

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-8-2021

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thành Đô

2. Ông Đồng Văn Diên.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện LG, tỉnh BG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG, tỉnh BG tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện LG xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 204/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị X, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn LS, xã DĐ, huyện LG, tỉnh BG.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn BCĐK, xã TL, huyện LG, tỉnh BG.

(Chị X, anh Đ vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị X trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn Đ trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Ngày 18/02/2020 chị và anh Đ thực hiện đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện LG. Anh chị được gia đình 2 bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn chị về nhà anh Đ làm dâu ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận. Được khoảng 1 năm thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống, trong suy nghĩ, vun vén kinh tế gia đình và chăm sóc lo cho con cái. Đỉnh điểm của

mâu thuẫn là vào ngày 27/4/2021 giữa chị và anh Đ xảy ra xích mích, anh Đ đã đánh chị, buổi tối cùng ngày không cho chị ăn cơm. Ngày hôm sau anh Đ tiếp tục đánh và đuổi chị, mẹ con chị phải về nhà bố mẹ đẻ ở thôn LS, xã DĐ, huyện LG sinh sống. Nay chị xác định tình cảm không còn, mâu thuẫn giữa chị và anh Đ không thể hàn gắn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị và anh Đ có 01 con chung tên là Nguyễn Thị P, sinh ngày 05/12/2020. Hiện nay mẹ con chị đang ở cùng nhau tại nhà bố mẹ đẻ của chị. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục bởi vì cháu còn quá nhỏ cần mẹ chăm sóc, mặt khác kể từ khi chị sinh con thì anh Đ cũng không quan tâm tới mẹ con chị, mọi chi tiêu lo cho con bản thân chị là người phải tự lo lắng bươn chải, anh Đ không đưa tiền phụ giúp chị nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con, tại đơn khởi kiện chị X yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con với mức 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2021. Tuy nhiên, tại phiên họp hòa giải chị X đã rút yêu cầu về cấp dưỡng, nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

* *Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ tại biên bản ghi lời khai ngày 21/7/2021 tại Tòa án, anh Đ trình bày:* Anh xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn, tình trạng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng như chị X trình bày là đúng. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị X ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 05/12/2020. Hiện nay cháu Ph đang ở cùng chị X tại nhà ông bà ngoại. Khi ly hôn, do con chung còn nhỏ, anh đồng ý để chị X nuôi con nhưng anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị X không nuôi con thì anh nhận nuôi con và không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được do anh Đ có đơn xin vắng mặt trong buổi hòa giải.

* Theo biên bản xác minh của Tòa án với đại diện chính quyền địa phương xác nhận trong quá trình chung sống chị X và anh Đ đăng ký HKTT tại thôn BCĐK, xã TL, huyện LG. Chính quyền địa phương không nắm được mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh Đ cụ thể như thế nào, hai anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị P, sinh ngày 2020, hiện nay chị X về nhà bố mẹ đẻ ở

xã ĐĐ sinh sống và mang theo con đi cùng. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Theo biên bản xác minh của Tòa án với bà Trần Thị Đủ (là mẹ đẻ của anh Đ) dưới sự chứng kiến của chị Nguyễn Thị Thơ là con gái bà Đủ cho biết như sau: Quá trình chung sống anh Đ và chị X có mâu thuẫn, nguyên nhân là do cách cư xử của chị X không đúng đạo đức, không tôn trọng gia đình chồng, vợ chồng nhiều lần cãi nhau. Từ khoảng tháng 3 năm 2021, chị X và anh Đ ly thân, chị X mang con về nhà bố mẹ đẻ của chị X sinh sống. Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị P, sinh ngày 05/12/2020. Gia đình đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Đ và chị X ly hôn, do mâu thuẫn của anh chị không thể hàn gắn được. Gia đình đồng ý để chị X nuôi con nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chị X. Nếu chị X không đủ khả năng nuôi con thì chị X mang con lên cho nhà bà đẻ gia đình bà nuôi và gia đình bà không yêu cầu chị X phải chu cấp một đồng nào nuôi con.

** Tại phiên tòa:*

Chị X vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt chị trình bày nội dung xin giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung.

Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt anh trình bày nội dung anh giữ nguyên ý kiến của mình trong quá trình giải quyết vụ án mà Tòa án đã tiến hành ghi lời khai.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện LG tại phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ nhất nhưng đã có đơn xin vắng mặt, nên HĐXX xét xử là đúng. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ vợ chồng xử cho chị X được ly hôn anh Đ; Về con chung: Giao cho chị X chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị P, sinh ngày 05/12/2020. Cấp dưỡng nuôi con không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản

chung: Chị X, anh Đ không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự ly hôn. Xác nhận chị X đã nộp 300.000 đồng án phí ly hôn tại Chi cục Thi hành án dân sự.

Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Đơn khởi kiện của chị X cùng các tài liệu nộp theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức, nội dung đơn khởi kiện. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình cụ thể là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện LG.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện LG đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Lời khai của chị X và anh Đ đều xác định vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện LG, tỉnh BG ngày 18/02/2020 theo giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã TL cấp, do đó quan hệ hôn nhân của chị X và anh Đ là hợp pháp.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Chị X và anh Đ đều xác định trong quan hệ hôn nhân, vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong cách hành xử hàng ngày, trong suy nghĩ, vun vén kinh tế gia đình và chăm sóc lo cho con cái. Chị X, anh Đ sống ly thân từ tháng 3 năm 2021 cho đến nay, cả hai xác định không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. HĐXX thấy, tình trạng mâu thuẫn của chị X và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Tòa án căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị X và anh Nguyễn Văn Đ ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị X và anh Đ xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị P, sinh ngày 05/12/2020. Hiện nay cháu Ph đang ở cùng chị X. Khi ly hôn anh Đ đồng ý để chị X nuôi cháu Ph nhưng không đồng ý cấp dưỡng

nuôi con. Chị X có nguyện vọng được nuôi cháu Ph và tại phiên họp hòa giải chị rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. HĐXX thấy hiện nay cháu Ph còn quá nhỏ (chưa được 8 tháng tuổi), cần có sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, mặt khác cháu đang ở cùng chị X, chị X có nguyện vọng được nuôi dưỡng con nên Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị X được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị P là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Nếu sau này chị X là người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Đ có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con: Do chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Đ có quyền thăm nom con chung và không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị X, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 235; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị X được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị P, sinh ngày 05/12/2020 cho chị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Trường hợp cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con: chị X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Án phí: Chị X phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012307 ngày 06/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LG. Xác nhận chị X đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị X, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện BG;
- Chi cục THADS huyện LG;
- TAND tỉnh BG;
- UBND xã TL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Thiêm